



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0200453688

ngày 17 tháng 1 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 17 tháng 1 năm 2018.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

**Trụ sở đăng ký**

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

M.S.N  
NAN

## **Công ty Cổ phần Container Việt Nam** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 5 tháng 3 năm 2018



01  
C  
ICH  
K  
/L



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-119-R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

HA  
HA

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>373.915.932.458</b>	<b>537.297.682.360</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>155.214.790.494</b>	<b>243.478.527.502</b>
Tiền	111		58.964.790.494	49.590.527.502
Các khoản tương đương tiền	112		96.250.000.000	193.888.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>25.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	25.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>212.611.055.390</b>	<b>260.129.409.057</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	49.864.620.723	52.736.572.973
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.409.271.540	2.987.642.336
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	38.219.712.252	27.869.712.252
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	123.435.779.396	176.853.810.017
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>5.541.484.762</b>	<b>6.830.132.103</b>
Hàng tồn kho	141		5.541.484.762	6.830.132.103
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>548.601.812</b>	<b>1.859.613.698</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(a)	548.601.812	1.859.613.698

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.067.285.606.211</b>	<b>932.330.996.001</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>105.278.289.439</b>	<b>75.445.001.691</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	105.225.289.439	75.445.001.691
Phải thu dài hạn khác	216		53.000.000	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>110.748.100.622</b>	<b>118.625.862.029</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	101.982.838.500	109.141.421.452
Nguyên giá	222		425.302.211.202	404.955.189.858
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(323.319.372.702)	(295.813.768.406)
Tài sản cố định vô hình	227	11	8.765.262.122	9.484.440.577
Nguyên giá	228		12.528.615.791	12.083.067.663
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.763.353.669)	(2.598.627.086)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>5.498.608.464</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	-	5.498.608.464
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>839.253.707.286</b>	<b>714.790.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		741.675.000.000	631.925.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		97.423.707.286	82.710.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		155.000.000	155.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.005.508.864</b>	<b>17.971.523.817</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	12.005.508.864	17.971.523.817
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.441.201.538.669</b>	<b>1.469.628.678.361</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>115.693.613.555</b>	<b>166.659.454.105</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>115.663.613.555</b>	<b>166.619.454.105</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	23.030.269.193	34.673.821.169
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.068.264.632	1.448.147.421
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	7.848.151.050	13.635.011.265
Phải trả người lao động	314		16.795.480.263	17.458.643.392
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		93.000.000	100.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	29.652.101.438	56.414.393.905
Vay ngắn hạn	320		-	4.831.480.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	17	37.176.346.979	38.057.956.953
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		30.000.000	40.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.325.507.925.114</b>	<b>1.302.969.224.256</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>1.325.507.925.114</b>	<b>1.302.969.224.256</b>
Vốn cổ phần	411	19	501.123.040.000	455.571.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		501.123.040.000	455.571.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	604.734.369.757	595.470.662.363
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		183.508.624.111	215.785.250.647
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		96.678.466.483	48.144.050.187
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		86.830.157.628	167.641.200.460
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.441.201.538.669</b>	<b>1.469.628.678.361</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Lý Thế Anh  
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:





Trần Xuân Bạo  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

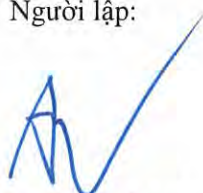
**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>485.988.714.190</b>	<b>483.246.470.788</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>348.771.825.713</b>	<b>285.741.782.857</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>137.216.888.477</b>	<b>197.504.687.931</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	41.238.519.912	74.255.665.175
Chi phí tài chính	22	26	125.635.715	722.791.168
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		71.023.692	363.245.194
Chi phí bán hàng	25		75.000.000	50.181.919
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	17.613.148.816	17.161.917.540
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>160.641.623.858</b>	<b>253.825.462.479</b>
Thu nhập khác	31		155.363.637	435.136.364
Chi phí khác	32		721.369.625	575.173
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(566.005.988)</b>	<b>434.561.191</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>160.075.617.870</b>	<b>254.260.023.670</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>27.688.318.242</b>	<b>40.536.681.210</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>132.387.299.628</b>	<b>213.723.342.460</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Lý Thế Anh  
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bạo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>160.075.617.870</b>	<b>254.260.023.670</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	30.236.279.572	28.887.966.765
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(154.192.580)	(182.112.040)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(40.485.733.321)	(74.164.311.557)
Chi phí lãi vay	06	71.023.692	363.245.194
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>149.742.995.233</b>	<b>209.164.812.032</b>
Biến động các khoản phải thu	09	78.220.570.276	69.539.735.064
Biến động hàng tồn kho	10	1.288.647.341	1.597.312.862
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(36.360.657.042)	(31.888.004.559)
Biến động chi phí trả trước	12	5.966.014.953	683.975.624
		<b>198.857.570.761</b>	<b>249.097.831.023</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(71.023.692)	(363.245.194)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.439.256.179)	(41.610.700.297)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.468.575.800
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.615.924.744)	(18.093.597.584)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>145.731.366.146</b>	<b>192.498.863.748</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(20.444.915.690)	(7.040.226.645)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	3.019.000.001	433.636.364
Tiền chi cho vay	23	(68.000.000.000)	(21.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	52.869.712.252	58.247.019.290
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(124.463.707.286)	(183.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	360.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	18.500.184.258	13.988.843.305
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(138.519.726.465)</b>	<b>(138.610.727.686)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*




**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.831.480.000)	(4.735.040.000)
Tiền trả cổ tức	36	(90.779.126.375)	(86.882.527.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(95.610.606.375)</b>	<b>(91.617.567.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(88.398.966.694)</b>	<b>(37.729.431.338)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>243.478.527.502</b>	<b>280.989.840.262</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>135.229.686</b>	<b>218.118.578</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	<b>70</b>	<b>155.214.790.494</b>	<b>243.478.527.502</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Lý Thế Anh  
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:






Trần Xuân Bạo  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



# Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### (b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 6 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2017: 6 công ty con và 2 công ty liên kết).

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và hai chi nhánh là Chi nhánh Quảng Ninh và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 274 nhân viên (1/1/2017: 307 nhân viên).

## **Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



## Công ty Cổ phần Container Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### (f) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

#### (g) Tài sản cố định vô hình

##### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

##### (ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

## Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

### (i) Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

### (j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### (k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### (l) Vốn cổ phần

#### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ



## **Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(n) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

##### **(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.865.222.387	1.077.260.204
Tiền gửi ngân hàng	57.099.568.107	48.513.267.298
Các khoản tương đương tiền	96.250.000.000	193.888.000.000
	<hr/>	<hr/>
	155.214.790.494	243.478.527.502
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017				1/1/2017			
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc (**) VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc (**) VND
Đầu tư góp vốn vào:								
<b>Công ty con</b>								
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh (*)	1.982.500	100%	100%	40.000.000.000	1.982.500	100%	100%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung		65%	65%	19.825.000.000		65%	65%	19.825.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh		100%	100%	6.000.000.000		100%	100%	6.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh		100%	100%	90.000.000.000		100%	100%	90.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh (*)		74%	74%	518.850.000.000	42.750.000	74%	74%	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP				-				476.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh		66,34%	66,34%	67.000.000.000				-
				<u>741.675.000.000</u>				<u>631.925.000.000</u>
<b>Công ty liên kết</b>								
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	1.332.000	31%	31%	14.430.000.000	1.110.000	31%	31%	12.210.000.000
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	8.820.200	22%	22%	80.991.207.286	7.050.000	17,6%	22%	70.500.000.000
Công ty TNHH Tuyên Container T.S. Hà Nội		30%	30%	2.002.500.000				-
				<u>97.423.707.286</u>				<u>82.710.000.000</u>



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị khác	31/12/2017			1/1/2017		
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty TNHH MSC Việt Nam		5%	5%		5%	5%
Địa chỉ	Thành phố Hồ Chí Minh					
			Giá gốc (**) VND			Giá gốc (**) VND
			839.253.707.286			155.000.000
			<u>714.790.000.000</u>			<u>155.000.000</u>

(\*) Theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Bến Xanh kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2017. Phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh được tăng tương ứng bằng giá góp vốn gốc của Công ty trong Công ty TNHH Bến Xanh. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, việc sáp nhập đã được hoàn thành.

Trong năm 2017, Công ty đã góp 66,34% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Khách hàng là các bên liên quan</b></i>		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	5.136.010.525	2.324.707.741
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	1.724.975.553	-
Công ty TNHH Tuyền container T.S. Hà Nội	43.793.750	-
<i><b>Khách hàng là các bên thứ ba</b></i>		
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	5.524.636.264	6.364.125.746
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	4.645.889.968	6.604.303.714
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ STC	3.930.088.006	672.400.000
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	3.530.264.488	15.326.752.893
Công ty Cổ phần Transimex	2.615.171.770	1.594.353.308
Công ty Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas)	2.468.771.377	1.739.402.739
Công ty Cổ phần CMA - CGM Việt Nam	1.937.950.522	181.088.790
Công ty TNHH S5 ASIA	1.707.335.420	-
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	1.514.635.881	2.123.117.365
Công ty TNHH KMTC Việt Nam	1.279.252.544	-
Công ty TNHH Heung-A Shipping Việt Nam	1.191.144.922	1.349.604.571
Các khách hàng khác	12.614.699.733	14.456.716.106
	<b>49.864.620.723</b>	<b>52.736.572.973</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

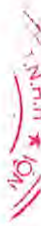
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu về cho vay**

	31/12/2017		1/1/2017		Tổng cộng VND	
	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Tổng cộng VND	Tổng cộng VND
Phải thu về cho vay từ các công ty con Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (i)						
▪ Khoản gốc cho vay	25.890.433.308	41.835.649.963	23.890.433.308	62.164.350.038	86.054.783.346	
▪ Tiền lãi cho vay nhập gốc	-	-	-	5.561.733.233	5.561.733.233	
Công ty Cổ phần Container Miền Trung (ii)						
▪ Khoản gốc tiền cho vay	1.879.278.944	939.639.476	1.879.278.944	2.818.918.420	4.698.197.364	
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh (iii)						
▪ Khoản gốc tiền cho vay	4.450.000.000	10.450.000.000	2.100.000.000	4.900.000.000	7.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (iv)						
▪ Khoản gốc tiền cho vay	6.000.000.000	52.000.000.000	-	-	-	
	38.219.712.252	105.225.289.439	143.445.001.691	27.869.712.252	75.445.001.691	103.314.713.943

(i) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố cộng 0,5%/năm hoặc 1,8%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(ii) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 33 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi. Trong đó, các khoản cho vay được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 30 tháng và 54 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (iv) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Phải thu khác từ các công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	81.382.770.760	136.516.049.750
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	15.531.679.412	24.131.373.162
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	19.394.633.264	10.923.215.936
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	2.881.666.667	-
	<hr/>	<hr/>
	119.190.750.103	171.570.638.848
Các khoản phải thu khác	4.245.029.293	5.283.171.169
	<hr/>	<hr/>
	123.435.779.396	176.853.810.017

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2017 VND	Giá gốc 1/1/2017 VND
Nguyên vật liệu	4.790.037.652	5.895.903.937
Công cụ và dụng cụ	-	1.152.000
Hàng hóa	751.447.110	933.076.166
	<hr/>	<hr/>
	5.541.484.762	6.830.132.103



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	155.156.861.835	7.944.926.972	240.355.908.622	1.497.492.429	404.955.189.858
Tăng trong năm	-	4.437.860.301	10.158.977.370	549.236.000	15.146.073.671
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	10.351.902.355	-	-	-	10.351.902.355
Thanh lý	-	-	(5.150.954.682)	-	(5.150.954.682)
Số dư cuối năm	165.508.764.190	12.382.787.273	245.363.931.310	2.046.728.429	425.302.211.202
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	118.429.644.751	5.691.402.800	170.206.299.123	1.486.421.732	295.813.768.406
Khấu hao trong năm	11.265.454.011	1.497.284.406	16.280.046.271	28.768.301	29.071.552.989
Thanh lý	-	-	(1.565.948.693)	-	(1.565.948.693)
Số dư cuối năm	129.695.098.762	7.188.687.206	184.920.396.701	1.515.190.033	323.319.372.702
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	36.727.217.084	2.253.524.172	70.149.609.499	11.070.697	109.141.421.452
Số dư cuối năm	35.813.665.428	5.194.100.067	60.443.534.609	531.538.396	101.982.838.500

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 151.062 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 151.555 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	5.355.027.273	6.728.040.390	12.083.067.663
Tăng trong năm	-	382.722.400	382.722.400
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	62.825.728	-	62.825.728
Số dư cuối năm	5.417.853.001	7.110.762.790	12.528.615.791
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	2.598.627.086	2.598.627.086
Khấu hao trong năm	-	1.164.726.583	1.164.726.583
Số dư cuối năm	-	3.763.353.669	3.763.353.669
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.355.027.273	4.129.413.304	9.484.440.577
Số dư cuối năm	5.417.853.001	3.347.409.121	8.765.262.122

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 966 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: không).

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	5.498.608.464	30.466.364
Tăng trong năm	4.916.119.619	5.468.142.100
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.351.902.355)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(62.825.728)	-
Số dư cuối năm	-	5.498.608.464



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu năm	17.971.523.817
Tăng trong năm	16.418.324.033
Phân bổ trong năm	(22.384.338.986)
	<hr/>
Số dư cuối năm	12.005.508.864
	<hr/>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<i>Người bán là các bên liên quan</i>		
<b>Các công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.582.941.701	1.487.893.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	2.515.979.881	2.435.331.939
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	601.308.159	-
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	381.536.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	1.408.643.706
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	-	421.161.920
	<hr/>	<hr/>
	6.081.765.741	5.753.030.565
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4.606.979.560	6.199.292.781
	<hr/>	<hr/>
	10.688.745.301	11.952.323.346
<b>Người bán là các bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	4.812.510.940	3.412.305.570
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	1.271.031.300	857.018.250
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	-	6.677.459.340
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	-	3.022.444.625
Công ty Cổ phần Greating Fortune Container Việt Nam	-	2.313.688.745
Các nhà cung cấp khác	6.257.981.652	6.438.581.293
	<hr/>	<hr/>
	23.030.269.193	34.673.821.169
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.859.613.698	28.959.393.675	(30.270.405.561)	548.601.812

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	46.430.815	32.493.760.670	(30.270.405.561)	(1.901.038.690)	368.747.234
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.420.858.734	27.688.318.242	-	(33.439.256.179)	4.669.920.797
Thuế thu nhập cá nhân	389.789.155	4.025.145.996	-	(2.081.898.615)	2.333.036.536
Các loại thuế khác	2.777.932.561	10.435.459.058	-	(12.736.945.136)	476.446.483
	13.635.011.265	74.642.683.966	(30.270.405.561)	(50.159.138.620)	7.848.151.050



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Phải trả các công ty con</b></i>		
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.354.567.292	-
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	-	4.426.447.079
<i><b>Phải trả các bên thứ ba</b></i>		
Các khoản thu hộ hãng tàu	21.591.515.162	46.479.449.769
Kinh phí công đoàn	2.434.829.433	3.234.587.525
Cổ tức phải trả	1.044.094.650	708.937.025
Phải trả khác	2.227.094.901	1.564.972.507
	<b>29.652.101.438</b>	<b>56.414.393.905</b>

Khoản phải trả các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	38.057.956.953	31.946.525.901
Trích lập trong năm	16.839.314.770	21.496.028.636
Sử dụng trong năm	(17.720.924.744)	(15.384.597.584)
	<b>37.176.346.979</b>	<b>38.057.956.953</b>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2016</b>	414.160.420.000	36.141.891.246	537.161.063.042	212.960.720.144	1.200.424.094.432
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	213.723.342.460	213.723.342.460
Phân bổ vào các quỹ	-	-	58.309.599.321	(58.309.599.321)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(21.496.028.636)	(21.496.028.636)
Cổ tức	41.411.000.000	-	-	(128.384.184.000)	(86.973.184.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(2.709.000.000)	(2.709.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2017</b>	455.571.420.000	36.141.891.246	595.470.662.363	215.785.250.647	1.302.969.224.256
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	132.387.299.628	132.387.299.628
Phân bổ vào các quỹ	-	-	9.263.707.394	(9.263.707.394)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(16.839.314.770)	(16.839.314.770)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	45.551.620.000	-	-	(136.665.904.000)	(91.114.284.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.895.000.000)	(1.895.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	501.123.040.000	36.141.891.246	604.734.369.757	183.508.624.111	1.325.507.925.114



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	50.112.304	501.123.040.000	45.557.142	455.571.420.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	50.112.304	501.123.040.000	45.557.142	455.571.420.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	50.112.304	501.123.040.000	45.557.142	455.571.420.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Phát hành cổ phiếu trong năm để trả cổ tức (Thuyết minh 20)	4.555.162	45.551.620.000	4.141.100	41.411.000.000
Số dư cuối năm	50.112.304	501.123.040.000	45.557.142	455.571.420.000

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Cổ tức**

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2016 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 45.557 triệu VND (2016: 41.416 triệu VND).

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần. Ngày 8 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành 4.555.162 cổ phiếu (2016: 4.141.000 cổ phiếu) để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2017 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 45.557 triệu VND (2016: 45.557 triệu VND).

**21. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.260.944.800	3.260.944.800
Trong vòng hai đến năm năm	13.043.779.200	13.043.779.200
Sau năm năm	23.075.431.812	26.336.376.612
	39.380.155.812	42.641.100.612

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	539.279	12.224.018.236	1.132.778	25.736.744.708



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	38.391.003.375	24.516.234.159
Doanh thu cung cấp dịch vụ	447.597.710.815	458.730.236.629
	485.988.714.190	483.246.470.788

**24. Giá vốn hàng bán**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	36.957.517.603	22.698.945.864
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	311.814.308.110	263.042.836.993
	348.771.825.713	285.741.782.857

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	17.085.809.224	19.792.571.794
Lãi từ giao dịch chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	5.000.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia	23.965.930.085	53.933.103.399
Lãi chênh lệch tỷ giá	186.780.603	524.989.982
	41.238.519.912	74.255.665.175

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	71.023.692	363.245.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá	54.612.023	359.545.974
	125.635.715	722.791.168
	125.635.715	722.791.168

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	7.840.705.550	8.385.436.408
Chi phí khấu hao	-	455.044.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.724.160.575	6.217.021.530
Chi phí khác	2.048.282.691	2.104.415.498
	17.613.148.816	17.161.917.540
	17.613.148.816	17.161.917.540

**28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	52.448.583.597	29.323.400.053
Chi phí nhân công	56.841.797.052	54.148.261.591
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.236.279.572	28.887.966.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.477.845.220	160.841.825.563
Chi phí khác	25.455.469.088	29.752.428.344
	52.448.583.597	29.323.400.053
	52.448.583.597	29.323.400.053

**29. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	27.688.318.242	40.536.681.210
	27.688.318.242	40.536.681.210
	27.688.318.242	40.536.681.210



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	160.075.617.870	254.260.023.670
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	32.015.123.574	50.852.004.734
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	466.380.685	471.297.156
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(4.793.186.017)	(10.786.620.680)
	<b>27.688.318.242</b>	<b>40.536.681.210</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2017 (năm 2016: 20%).

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.034.159.275	14.295.235.417
Sử dụng dịch vụ	24.096.962.891	18.910.248.090
Lợi nhuận được chia từ công ty con	10.029.223.163	6.968.928.739
Cho vay	10.000.000.000	7.000.000.000
Nhận tiền trả gốc vay	2.100.000.000	-
Lãi cho vay	698.786.111	115.013.889
<b>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</b>		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	2.379.000.000	3.965.000.000
Cho vay	-	6.000.000.000
Nhận tiền trả gốc vay	1.879.278.944	1.301.802.636
Lãi cho vay	284.201.790	185.905.059
<b>Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	115.970.278
Sử dụng dịch vụ	474.802.527	29.875.198
Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	8.365.193.750	-

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Công ty TNHH MTV Bến Xanh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.850.589.791	3.368.496.946
Sử dụng dịch vụ	4.644.428.241	5.969.932.078
Lợi nhuận được chia từ công ty con	8.165.906.922	8.925.320.644
Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	2.126.013.536	-
<b>Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.476.437.159	5.938.376.772
Sử dụng dịch vụ	34.174.500.761	33.569.581.716
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	28.849.954.016
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.249.162.546	-
Sử dụng dịch vụ	4.332.177.375	-
Góp vốn	67.000.000.000	-
Cho vay	58.000.000.000	-
Lãi cho vay	2.881.666.667	-
<b>Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	33.109.496.985	23.456.980.656
Sử dụng dịch vụ	4.176.133.528	5.358.844.073
Mua cổ phiếu	42.750.000.000	-
Cho vay	-	8.000.000.000
Nhận tiền trả gốc vay	23.890.433.308	11.945.216.654
Lãi cho vay và lãi cho vay nhập gốc	6.637.673.259	12.837.104.496
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</b>		
Sử dụng dịch vụ	37.978.605.477	29.822.675.316
Mua cổ phiếu	10.491.207.286	-
Cổ tức được chia	-	3.523.900.000
<b>Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng</b>		
Mua cổ phiếu	2.220.000.000	-
Cổ tức được chia	2.641.800.000	-
<b>Công ty Tuyển Container T.S. Hà Nội</b>		
Góp vốn	2.002.500.000	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	2.973.738.533	2.596.895.444
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Thù lao	1.895.000.000	2.709.000.000

3042  
G T)  
M HỮU  
IG  
- T.P



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

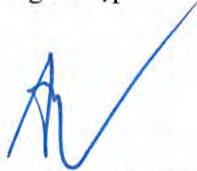
	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	45.551.620.000	41.411.000.000
Lãi cho vay nhập gốc cho vay	-	3.542.399.900

**32. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Lý Thế Anh  
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

